

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 824/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông **Trần Quốc V**, sinh năm 1963 và bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1962; Cùng cư trú: Số nhà 141/1, ấp H, xã T, huyện T1, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy quan hệ giữa ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị N là hôn nhân hợp pháp, ngày 08/9/2022, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha, mẹ và con, về trách nhiệm cấp dưỡng và các vấn đề khác có liên quan. Kết quả hòa giải đoàn tụ không thành. Các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của họ như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị N có bốn con chung là Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 26/6/1991, Trần Thị H, sinh ngày 10/7/1994, Trần Thị Ngọc D1, sinh ngày 25/5/1996 và Trần Quốc H, sinh ngày 19/3/1998. Các con chung đã thành niên, đủ khả năng lao động nên ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị N khai không có.

[5] Về lệ phí: Ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị N đồng ý chuyển 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0001515 ngày 04/8/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom sang nộp lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị N có bốn con chung là Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 26/6/1991, Trần Thị H, sinh ngày 10/7/1994, Trần Thị Ngọc D1, sinh ngày 25/5/1996 và Trần Quốc H, sinh ngày 19/3/1998. Các con chung đã thành niên, đủ khả năng lao động nên ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị N khai không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0001515 ngày 04/8/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (nơi ĐKKH ngày 19/10/1990)
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Bích Liễu

Mẫu 31-VDS